

Bài 168. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Đại Phẩm | Sư Giác Nguyên giảng 27/02/2019

Bài kinh hôm qua, “Dhammika”, trong đoạn kệ của kinh Dhammika chúng tôi chưa giảng. Hôm qua chúng tôi xin lỗi là chúng tôi bắt đầu hồi 2 giờ 30, lại quên đi. Liếc mắt thấy 3 giờ 30 tưởng mình đã giảng nhiều lắm rồi, thật ra mới có một tiếng thôi mà đã ngưng hơi sớm. Giờ mình ôn lại chút xiu bài kệ của kinh 54.

Trong bài kệ, Đức Phật Ngài dạy thế này: đối với người khác mà mình có lòng xúc phạm, có ý tấn công, nhiều hại, là đã phi công đức rồi, là có lỗi, có tội lắm rồi. Đối với người ngoại đạo mà họ có khả năng tu hành chơn chánh, ly dục, sống không hưởng thụ vật chất, mà mình có lòng bất kính, xúc phạm họ, đã là tội rồi. Nói chi là với người chánh kiến.

Cho nên trong Phật pháp này chúng ta không có lý do gì để mà có ác ý với bất cứ tăng ni hay cư sĩ. Vì sao? Trong đây ghi rất rõ: một người bình thường mà mình tấn công họ, có ý xúc phạm họ, đã là tội lớn rồi, nói chi đó là người tu hành, nói chi đó là người thành tựu tri kiến.

“Thành tựu tri kiến” đây là từ bậc Thánh Tu-đà-hườn trở lên. Tuy nhiên, đối tượng để mình gieo trồng nghiệp, dù là thiện nghiệp hay ác nghiệp, là gồm có tám:

Một là vị Tu-đà-hườn và vị đang tu tập hướng đến quả vị Tu-đà-hườn.

Thứ hai là vị Nhất lai, Tư-đà-hàm, và người đang trên đường tu tập hướng tới quả vị Nhất lai. Tức là hành giả, người đang tu tập hướng đến quả vị Nhất lai. Hành giả đó đương nhiên lúc đó phải là Tu-đà-hườn.

Thứ ba là Tam quả và người đang tu tập để đắc Tam quả.

Thứ tư là vị La-hán và người đang tu tập hướng đến quả vị La-hán.

Tổng cộng là bốn tầng Thánh cộng với bốn hạng hành giả là tám. Tám hạng này được xem là đối tượng trọng nghiệp. Nghĩa là mình cung kính, lễ bái, đối xử tốt với họ thì công đức rất lớn. Nhưng nếu mình mạo phạm, tấn công, ác ý với họ thì tội rất nặng.

Tôi hơi queo qua chỗ này chút. Tâm nguyện đời tôi là được có cơ hội để hộ trì các hành giả Bát quan trai mà lại tu Tứ Niệm Xứ. Đời tôi là tôi không tin tu hành được gì ghê gớm, mà chỉ mơ được có cơ hội để tôi có được chút vật chất gì đó, để tôi nuôi mấy hành giả mà Bát quan trai mà lại tu Tứ Niệm Xứ. Cái công đức đó lớn không tả nổi. Tôi mơ có một ngày làm được chuyện đó.

Lúc đó tất cả những bà con Phật tử nghèo nàn xơ xác cũng có cơ hội làm phước. Bởi vì cứ một lít gạo, một chén muối gởi về thiền viện để nuôi dưỡng hành giả; một chai dầu, một chai nước tương cũng là công đức vô lượng. Bởi vì lúc bấy giờ không phải mình hộ trì cho người có tóc hay không tóc, mà là hộ trì những người đang trên con đường hướng tới quả vị Tu-đà-hườn.

Bởi vì họ là hành giả phàm phu mà. Tất cả hành giả phàm phu, nếu mà tu đúng, có niềm tin, có trí tuệ, có chánh niệm, thì đều được gọi là những người đang trên đường hướng tới quả vị Tu-đà-hườn. Mình hộ trì mấy người đó trong vòng năm năm, mười năm thì công đức đó chẳng thể nghĩ bàn.

Cách đây hai hôm tôi có coi cái clip người ta quay một người hấp hối, người nhà phải nhắc từng câu từng câu: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tùm lum hết. Lúc đó tôi có chạnh lòng tôi nghĩ, khi mình có được thiền viện rồi là tất cả hành giả của mình không lo chuyện trợ niệm cận tử. Có nghĩa là mỗi ngày mình đều có hành thiền, mỗi ngày mình đều có Bát giới, mỗi ngày đều có cúng dường chư Tăng.

Lâu lâu mình chuyển hướng muốn cúng dường Pháp học thì chạy qua Học viện, muốn cúng dường Pháp hành thì chạy qua thiền viện. Cứ là khiêng hai nôi cơm ra đó, chờ ở trông người ta đi ra là mình để bát hết hai nôi cơm. Còn bữa nào hứng chí thì thêm đồ ăn vô, đồ nấu, đồ nướng, đồ chiên. Còn không thì cứ hai nôi cơm trắng, lựa

gạo cho ngon. Còn không thì hai nồi cơm nếp, cứ tăng ni trong đó đi ra mình để bát cho hết hai nồi, nồi khoảng chừng 10 ký gạo. Hai nồi 20 ký.

Như vậy người nghèo cỡ nào cũng có thể làm phước được hết, dầu cho họ đang ở Việt Nam, họ không có vé máy bay để qua Miến Điện cũng không sao hết. Cứ tin tưởng người nào cứ gởi cho người đó một ít tiền, gởi cúng một ký, hai ký gạo vậy đó.

Còn nếu là hành giả đang tu trong đó thì quá tuyệt. Đích thân mình mỗi sáng mình khiêng hai nồi cơm, mà nồi thì tôi đã chuẩn bị rồi. Tôi đã chuẩn bị tám cái nồi Thụy Sĩ loại cực tốt, loại một nồi nấu được 10 ký gạo. Sáng thì mình đẩy ra ngoài đường chờ cúng dường. Mà các vị vừa tu thiền, vừa có Bát quan trai, vừa có bố thí mà suốt năm năm, mười năm như vậy thì tôi không biết các vị chết đi về đâu.

Đó là về đoạn cuối bài kệ của kinh Dhammika: có lòng xúc phạm người khác là tuyệt đối không nên. Bởi vì mình không biết họ là loại người nào. Họ là thứ tào lao mà mình có lòng xúc phạm là đã có tội rồi, nói chi họ là người có tâm tu hành, có lý tưởng giải thoát. Cần thận cái đó.

Cho nên dầu mình có sống ở nhà, hay vô trong chùa, ở thiền viện, lúc nào cũng nhớ chừng chung quanh mình toàn là tàng long ngọa hổ không, mình không biết đó là ai. Đó là những vị Phật tương lai, những vị Độc Giác tương lai, mấy vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan, Ca Diếp tương lai, mình đâu có biết. Cho nên mình không có lý do nào mình ác ý với ai hết.

Chúng ta chỉ có lý do để sống thiện, sống tốt với người khác thôi. Bởi vì khi mình có ác ý, thì chuyện đầu tiên là người ta chưa bị gì thì mình đã chuốc nghiệp xấu, mà đồng thời mình cũng không an lạc. Sống với ác ý thì làm sao an lạc được.

Trong room này để ý thấy lạ lắm quý vị. Niềm vui mà của tình yêu nam nữ, của người vừa được món tiền lớn, niềm vui vừa được khen, vừa thi đỗ, vừa lên chức v.v... xin bảo đảm là cả những niềm vui sắc, tài, tình, danh, lợi ấy nó không cách gì so được với niềm vui của người sống thiện.

Thiện là sao? Tức là mình vừa làm được cái gì đó giúp đỡ cho một cá nhân hay tập thể. Niềm vui đó nó kỳ lắm, nó lạ lắm, nó không giống như mấy niềm vui như tôi vừa kể. Nó không ẩn chứa điều gì lo lắng như trong mấy niềm vui kia. Mà niềm vui của người hành thiện, sống thiện đó nó ngộ lắm.

Cứ một lần bà con làm được cái việc lành, cảm giác nó lý lắm, cái máu huyết trong người mình nó thay đổi. Các vị có thể không tin nhưng tôi đề nghị các vị để ý rồi sẽ tin. Khi mình sống thiện, cái huyết áp, cái nhịp tim nó nhẹ nhàng, nó sung sướng ngộ lắm. Niềm vui của người buông bỏ nó nhẹ nhàng lắm. Và tôi không phải là

Tôi không phải là bác sĩ, không phải là chuyên gia về y, về dược, nhưng tôi có niềm tin sắt son là khi anh sống lành, sống thiện thì cơ thể anh sẽ nhận được những hỗ trợ rất lớn, những hoán chuyển rất tích cực trong cơ thể. Tôi tin tuyệt đối chuyện đó.

Còn chuyện anh đắc gì không, anh chết về trời không, tôi không hứa. Nhưng cái này thì tôi tin: kẻ sống thiện, cơ thể họ có những biến chuyển rất tích cực.

Tôi đã đọc nhiều article của mấy trường đại học lớn của Mỹ thử nghiệm não đồ trong đầu của mấy người hành thiện, họ thấy có những biến chuyển rất lạ, quý vị biết không? Khi sống thiện hay tu thiền đều giống nhau ở điểm là chúng ta đang sống trong sự lành mạnh nhất mà con người có thể. Cho nên, nếu ta thường xuyên tu tập đề mục hơi thở, chúng ta sẽ ra đi rất ngọt, rất êm, vì chúng ta không bị dẫn vật, giày xé như người bình thường.

Thứ hai là đề mục từ tâm. Người tu tập đề mục từ tâm ra đi rất êm. Vì sao? Chuyện rất đơn giản, vì lòng họ luôn luôn nghĩ về người khác. Nên họ có cái can đảm mà mình không tả được, không tin được.

Như một người mẹ ôm yếu, nhỏ con bằng hột mè đi nữa, nhưng khi chỉ nghĩ đến con thôi thì đứng trước nguy hiểm mẹ không có sợ. Mẹ chỉ nghĩ tới con thôi.

Hành giả tu tập từ tâm mà đến mức tới bờ tới bến rồi thì trước cái chết của mình, mình không sợ. Mà mình cứ canh, cứ lo: “Cha, biết mình đi rồi mấy đứa bé trên miền cao ai lo ta? Chết rồi, mình đi vậy thì thiên viện sắp tới hành giả về ăn uống, điện nước tính làm sao ta?”. Khi mình có lòng như vậy thì không có sợ chết, quý vị biết không. Tin tôi đi. Phải tin chuyện đó.

Ăn rồi cứ lo người ta không hà, cái thứ đó lì lẫm, không sợ chết! Giống như mẹ thương con thì không sợ chết. Trong Đạo, khi mình có lòng đại bi thì trước cái chết mình lì lẫm, can trường lắm. Bởi vì cái lòng mình không có nghĩ tới bản thân. Lúc nào cũng có việc thiện treo lơ lửng trước mắt để mình lo.

Tuy nghe chữ “lo” hơi phiền não, nhưng thực ra đó là lòng đại bi, cái lòng không đành, không cam. Cái đó tốt lắm, chứ không phải là kiểu bận rộn phiền não. Với người bận rộn việc đời, tu tập tuệ quán rất khó; nhưng bận tâm tới việc lành thì không sao. Bởi vì thiện với thiện bằng thiện. Nhưng ác với thiện thì lúc nào ác cũng mạnh hơn. Nhớ cái đó.

Mình học Đạo cho nhiều cũng phải nắm một số cái để bỏ túi dẫn lưng chớ. Học chi cho nhiều mà trước cái bệnh, cái già, cái chết “vãi ra quần” thì cái đó chưa khá. Nghe! Phải lặn lưng một hai cái đề mục: đề mục niệm Phật, đề mục niệm hơi thở, đề mục từ tâm, đề mục bất tịnh, đề mục tử thi, đề mục sự chết.

Tôi có tâm nguyện, tôi theo đường lối của ngài Thamgu, nghĩa là lần đầu tiên họp mặt bà con tại thiền đường Kalama của mình, tôi sẽ bỏ ra một tháng để chúng ta thử dợt các đề mục.

Chúng ta sẽ bỏ ra ba ngày tu tập từ tâm, ba ngày tu tập đề mục sự chết, ba ngày đề mục thể trước, ba ngày về đề mục đáng gớm, ba ngày về đề mục hơi thở, ba ngày về đề mục màu: màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nghĩa là mình đi theo kiểu chỉ quán song tu.

Nói cũng để bà con đừng run là chúng tôi cũng mời, thỉnh thiền sư thứ thiệt, có bằng cấp đẳng hoàng, chứ không phải chúng tôi hướng dẫn quý vị đâu, nghe, đừng có lo.

Chúng ta sẽ xin thiền sư: “Cho chúng con tu thử một tháng vậy đó, coi cái nào nó hợp, con sẽ theo đuổi cái đó”. Chương trình mình buổi đầu là vậy đó. Rồi cứ lâu lâu có người mới vô, mình thỉnh thiền sư làm cho mình một tháng nữa, như vậy đó. Mà con đường này không phải do tôi chế ra, mà do các vị Miến Điện bày cho.

Bài Kinh 55 chúng ta học về chuyện đời của ngài Sona.

Mỗi vị Phật Chánh Đẳng Giác trong ba đời mười phương đều có những vị đệ tử có những đặc hạnh, biệt hạnh, là hạnh độc đáo, nổi trội so với người khác. Nghĩa là nhìn vào vị đó, người ta liên tưởng tới đặc điểm đó liền.

Ngài Sona này là đệ tử đệ nhất về tinh tấn của Phật Thích Ca Mâu Ni. Giống như ngài Xá Lợi Phất đệ nhất trí tuệ, ngài A Nan đệ nhất đa văn vậy đó.

Trong Chú giải nói ngài Sona ngoài đời cũng là công tử, một tay đàn ca hát xướng cực giỏi, sử dụng điêu luyện rất nhiều nhạc cụ, đặc biệt là các loại đàn của Ấn Độ đương thời. Sau khi nghe Pháp Phật rồi phát tâm xuất gia đi tu. Mà vị này rất là tinh tấn. Tinh tấn đến mức đi thiền trong rừng, đi đến lúc coi như đi không nổi nữa, chỉ có nước bò thôi. Gớm như vậy!

Lúc đó Đức Phật từ trong Vương Xá, Ngài dùng trí xét thấy vị này tinh tấn quá nhiều, thặng dư đến mức thái quá, cần được kiềm chế. Bởi Ngài biết vị này huệ căn sâu dày, phước duyên trùng điệp. Chỉ vì do thói quen nhiều đời lấy tinh tấn làm trọng, cho nên cuộc tu vị này có vấn đề, mà vấn đề nảy sinh từ hạnh tu mới ghê.

Trong room có nghe chỗ này không? Chỗ này quan trọng nghe. Lấy cái hạnh tu làm trọng, nhưng nếu không có thầy bạn kế bên thì chính cái hạnh tu đó nó lại tạo ra vấn đề cho mình.

Cho nên pháp thiện hay pháp bất thiện gì đi nữa, khi mình tích lũy nó quá lâu ngày, nó sẽ nắn con người mình. Nó sẽ tạo ra con người mình một nhân cách rất riêng. Từ nhân cách đó sẽ nảy sinh những vấn đề.

Thí dụ mình trí nhiều quá mà nếu không có sự kiểm soát thì mình sẽ thành tay đại gian. Còn người hào sảng quá, nếu không có kiềm chế, có thể thành người hoang phí. Bởi vì nó lệch một chút xíu thôi.

Tôi cũng nhiều lần nói với bà con là tùy vào tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý và môi trường sống mỗi người mà chúng ta nghiêng nặng về cái gì. Vốn liếng tâm thức và nền tảng tiền nghiệp của chúng ta trong quá khứ, nó tác động không nhỏ lên trên hành hoạt, lên trên nếp nghĩ và nếp sống thường nhật của chúng ta hôm nay.

Cho nên trong từng ngày, nếu được thì trong từng giờ, từng phút, bà con, hành giả Tứ Niệm Xứ, cứ nhớ chừng thấy tham, thấy sân, thấy tà, úy, tín, niệm... thì mình hiểu liền. Mình nhận diện: đây là tâm tham, tâm sân.

Bên cạnh nhận diện đó, mình hiểu ngay. Thấy cái mặt phiền não là mình nhận diện liền: đây là tâm tham, đây là trở ngại lớn cho mình tu hành. Nhận diện liền: đây là tâm sân. Mình biết liền đây là tâm sân, là trở ngại lớn cho đường tu hành.

Chữ “trở ngại” nghĩa là sao? Có nghĩa là ngay bây giờ mình sống bằng tâm tham, tâm sân thì coi như niệm với tuệ nó đi mất rồi. Còn một chuyện nữa: nếu mình không kiểm soát được tâm tham, tâm sân mà để tiếp tục chìm sâu trong đó thì những cái tam nghiệp của mình trong đời sống nó sẽ đi theo chiều hướng đó mà phát triển.

Trong room hiểu không ta?

Thí dụ mình thích ăn ngon thì mình phải biết có thói quen thích ăn ngon. Phải biết, phải ghi nhận nó: “À, mình có tính thích ăn ngon, mình coi trọng chuyện ăn uống”, rồi tìm cách tháo gỡ từ từ.

Chớ không khéo, thói quen ăn ngon của mình khi nó không được nhận diện, nó sẽ trở thành vốn liếng tâm thức cho đời sau kiếp khác. Sanh ra đời không biết Phật Pháp thì chúng ta sẽ quay về với con người gốc của mình là chúng ta thích ăn ngon.

Còn khi mình biết Đạo thì mình ăn ngon theo kiểu người có Giới. Nhưng khi không biết Đạo, không gặp Phật Pháp, thì cái khuynh hướng thích ăn ngon đó rất dễ để trở thành điều kiện cho mình tạo ác nghiệp. Đó là sao? Phải ăn con gì nó còn nhúc nhích. Phải ăn con nào nó còn có máu mới sống, phải ăn đồ tươi đồ sống. Gà là phải tự mình cắt cổ, cá là phải mình đập đầu, chó là phải nhấn nước ăn nó mới đã. Chớ còn cái bán sẵn ngoài chợ thì không biết cũ mới gì tùm lum hết. Vì thói quen thích ăn ngon đó mới mở đường cho bao nhiêu ác nghiệp khác.

Chưa hết. Mình thích làm đẹp. Mình là người nữ, mình nghĩ cũng biết Đạo, biết giữ Giới, ngày Bát quan mình đâu có trang điểm, đâu có xài mỹ phẩm, nữ trang gì đâu. Rồi bữa nào không có Giới, không Bát quan thì mình có quyền làm đẹp, được quyền quần là áo lụa, vòng xuyên, nhẫn, dây chuyền chứ. Năm giới mà, ai cấm.

Nhưng cái bậy ở đây: khi mình không biết được cái thói quen của mình là khoái làm đẹp, thì khi mình sanh ra kiếp sau mà không gặp Phật Pháp, chỉ vì cái khoái làm đẹp đó mình sẵn sàng làm nhiều cái rất là bậy. Báo đăng biết bao nhiêu cô sinh viên Việt Nam, nhà nghèo, chỉ vì cái túi xách 3.000, vì đôi giày 2.000, chỉ vì cặp mắt kiếng 500 mà coi như đem bán rẻ nhân phẩm của mình. Tại vì cái tật làm đẹp, khoái làm đẹp, thích ăn sung mặc sướng, khoái ngồi nhà mát ăn bát vàng, những thói quen rất là độc!

Tôi quay trở lại. Mỗi phút trôi qua mình nên để ý coi mình đang sống với tâm tư như thế nào, bởi vì tâm tư mình trong từng phút, từng giờ, từng ngày, nó sẽ mở ra con đường sanh tử rất riêng cho mình trong kiếp sau.

Tôi nhắc lại, cái tâm tư, cảm xúc thường nhật của mình nó sẽ kín đáo mở ra một nhân cách, một kiểu sống, một dạng người nào đó cho kiếp sau. Nó lớn chuyện lắm.

Tánh mình nóng mình không biết. Mình thích ăn ngon, thích mặc đẹp, thích làm bà tám, ngồi lê đôi mách, nhiều chuyện, thích than thở, tâm sự, trao trút, mình sợ chỗ vắng, thích chỗ đông, thích phe phái bè đảng, ích kỷ nhỏ mọn, so đo, tị hiềm, nạnh hẹ... tất cả những cái đó mình có mà mình không biết. Trong khi đó nếu mình biết thì

tình hình nó khác. Đẳng này mình không biết nên những thói xấu đó nó sẽ lớn dần, lớn dần theo năm tháng. Nó tạo nên nhân cách, tạo nên phẩm chất kiếp sau cho mình. Mình sanh ra kiếp sau mà gặp một điều kiện thích hợp là mấy cái thói xấu đó sinh sôi coi như can không kịp. Lớn chuyện lắm à nghe. Các vị tưởng tượng chỉ vì miếng ăn ngon, vì chiếc áo đẹp mà mình trở thành người tội lỗi thì có nên không, có đáng không?

Cho nên ở đây, khi Đức Phật thấy ngài Sona nhiều đời nhiều kiếp chuyên hạnh tinh tấn. Bây giờ kiếp chót gặp Phật rồi, tu thiền cũng lấy hạnh tinh tấn làm hạnh chính. Đức Phật thấy vị này cần phải được hỗ trợ, cần được giúp đỡ.

Nhứt là còn cái này mới mệt. Là khi vị đó tu hành tinh tấn quá mức mà không đặc gì, vị đó mới nảy ra suy nghĩ nguy hiểm là: “Ta tu thế này không được thì thôi ta về đời cho rồi”. Các vị thấy ghê chưa. Một hồi thì tinh tấn bằng trời, tới lúc thì bệ rạc đến tận cùng như vậy. Siêng quá mà thiếu trí, từ đó mới dẫn tới tà tư duy một cách nguy hiểm như vậy.

Đức Phật ngài biết rõ vị này đang cần sự hỗ trợ như vậy, cho nên Ngài hỏi vị này:

“Ở ngoài đời người biết chơi đàn phải không?”

Ngài Sona nói:

“Dạ, ngoài đời con biết chơi đàn”.

Ngài hỏi:

“Người nghĩ sao, dây đàn quá căng hoặc quá chùng thì người chơi đàn có làm ăn được gì không?”

“Dạ không”.

Ngài nói:

“Ở đây cũng vậy. Người phải điều chỉnh sức cố gắng của mình ở mức độ hợp lý thì mới thành tựu được Đạo nghiệp. Chớ cứ cầm đầu nỗ lực theo kiểu dồn củi cho nước mau sôi thì cái đó đâu có được”.

Thì khi Ngài nhắc nhẹ vậy, nhắc thế này: “Tinh tấn ít quá sẽ làm nảy sinh cái lười biếng”. Sẵn đây tôi nói luôn, “lười biếng” đây nói theo tạng Kinh, còn nói theo A-tỳ-đàm chính là “hôn thụ”, tức là làm biếng và buồn ngủ, đã đuối, muốn an dưỡng, muốn được nghỉ ngơi thư nhàn. Trong tạng Kinh kêu là (...), nhưng trong tạng A-tỳ-đàm gọi nó là hôn thụ.

Ngài nói khi sức tinh tấn mình yếu quá thì dễ bị mắc vào hôn thụ. Nhưng nếu tinh tấn quá mức thì dễ bị phóng tâm, là “phóng dật”, là nó căng quá.

Ngài nói xong ngài ra đi. Vị này ở lại với chiều dài tu hành 100.000 đại kiếp, cộng thêm lời giáo huấn của Đức Phật thì vị này trong tích tắc đã chứng quả La-hán sau khi điều chỉnh tấn căn, tấn quyền của mình.

Tức là trong năm quyền: tín, tấn, niệm, định, huệ, mình muốn đắc Đạo phải có được năm quyền đó cân bằng, thăng bằng, cân đối, không có cái nào vượt trội cái nào. Mà để làm được chuyện đó thì phải có ba-la-mật. Phải có 10 ba-la-mật, hạnh lành trong tiền kiếp, nó viên mãn. Lúc đó với sự hỗ trợ của ba-la-mật thì năm quyền mình mới có thể thăng bằng được. Năm quyền không thăng bằng thì không thể nào chứng Đạo được. Nhớ cái này quan trọng lắm!

Hồi này tôi nói, có rất nhiều vị thiền sư cho mình kinh nghiệm mà không thấy ghi trong Kinh. Thật ra có ghi mà không ghi rõ lắm. Chẳng hạn trong Kinh Thất Giác Chi, Ngài có nói khi nào cái tâm mình xê quá thì phải làm sao. Nó mạnh động, cao hứng quá thì phải làm sao. Trong Chánh tạng có nói vậy. Nhưng trong Chú giải, các vị thiền sư có kinh nghiệm thực tế, các ngài nhắc mình những điều tôi rất là tâm đắc.

Ngài nói có nhiều khi hành giả, một hai ngày, ba bốn ngày, tâm nó không niệm được, không định được. Nó cứ lăng xăng, lăng xăng. Những khi đó hành giả nên tự xét các

lý do sau đây:

Thứ nhất là coi sức khỏe, áo quần, chỗ ở của mình, nói chung là những vấn đề ở bản thân mình có gì trục trặc hay không. Có nhiều người mặc đồ dơ ok, nhưng có nhiều người mặc lại đồ dơ cái tâm họ không định, không niệm được. Cứ bồn chồn, ray rứt. Cái phòng mình nó hơi quá mình cũng bồn chồn, ray rứt. Phòng không dọn, sân không quét, người không tắm, áo quần không sạch sẽ, không vừa vặn cũng làm cho tâm mình động.

Đó gọi là nội chướng.

Thứ hai là mình lỡ hứa với ai cái gì đó mình quên. Hoặc mình phạm lỗi làm ai đó buồn, mình chưa sám hối, chưa xin lỗi. Một là chưa thực hiện lời hứa; hai là chưa biết sám hối, xin lỗi. Đây cũng là những điều kiện tâm lý làm hành giả không tập trung được.

Điều thứ ba là mình đang có một dự tính, trù hoạch cho công việc gì đó mà công việc đó chưa xong. Thí dụ trước sân mình có một đường nước từ máng xối dẫn ra, đổ ướt sân. Tính mai mới lấy giá xẻ cái rãnh, rồi lót ít đá, ít gạch, ít sỏi gì đó dẫn nước ra ngoài bụi chuối, chớ để nước đọng sân không tốt. Chuyện nhỏ xíu thôi mà mình tính vậy rồi quên.

Hoặc hôm qua đi kinh hành sau thiền viện, mình thấy có quá nhiều bông dã quỳ hay bông đẹp khác, mình có ý cắt một ít bữa nay vô cúng Phật, nhưng mà quên mất. Khi mình đã có cái ý, hoặc trù hoạch một chuyện gì đó mà không thực hiện, thì coi như mình vô thiền cũng khó tập trung. Phải tìm cho ra coi trong đầu đang vương vấn cái gì. Hễ còn vương vấn thì coi như khó niệm, khó định. Đây là những lời dặn mà tôi rất là tâm đắc.

Thứ tư, có trường hợp hành giả lâu quá không để ý đến năm quyền của mình, nên Tín quyền bị hụt. Mà năm quyền nếu không thăng bằng thì Thất Giác Chi cũng bị hụt. Trong Thất Giác Chi có Hỷ Giác Chi, tức là niềm vui trong chuyện tu hành.

Trong trường hợp này mình phải tìm cách nào? Mình đi nghe Pháp, mình đi lễ Tháp Xá Lợi, đi chiêm bái, đánh lễ các vị cao tăng. Hoặc là gần nhất là nên bố thí. Mình nghèo thì bố thí kiểu nghèo. Mình thấy tâm mấy bữa nay không yên, thôi bây giờ đổi tông, không thiền hành, thiền tọa gì hết, chuẩn bị một ít nước uống, thức ăn gì đó đi đến cúng dường cho bệnh viện, cho chư Tăng, cho học viện.

Hoặc như này tôi nói, bữa nào thấy kỳ kỳ, đích thân khiêng nồi cơm ra ngoài đường để bát. Mình để xong thì lòng nhẹ liền, quý vị tin tôi đi. Đừng chê nồi cơm trắng, lớn chuyện lắm. Nó không phải chuyện làm phước đâu quý vị, mà đối với hành giả, ngày đó mình bỏ ít tiền ra mình để bát cúng hai nồi cơm trắng. Đích thân mình múc từng vá cơm để vô bình bát. Mình đâu nghĩ chuyện đó quan trọng đến mình, nhưng thực ra nó quan trọng lắm. Mình cúng dường xong hai nồi cơm thì tự nhiên nó ok hà. Tin tôi đi!

Hoặc là bữa đó dành một ngày lên đánh lễ bảo tháp, đánh lễ các vị cao tăng. Hoặc tham dự, đứng nhìn thôi, nhìn chư Tăng ăn cơm buổi trưa, để cho cái lòng nó relax, nó thư giãn, buông xả rồi trở về tu tiếp. Chớ còn tối ngày cứ niệm, niệm, niệm, đạo quả, đạo quả, cứ đặc, đặc, đặc, đặc... Tối ngày bị ám mấy cái đó nó nặng lắm, stress lắm. Lâu lâu mình phải buông, mình giãn nó ra một tí.

Giống như em bé học ở trường. Lâu lâu cô dắt nó đi ngoài kia, chớ học ba cái cộng trừ nhân chia, toán lý hóa, văn sử địa, ngoại ngữ học quá nó khùng. Lâu lâu cô cũng phải tổ chức buổi dã ngoại, cho tụi nó tung tăng hoa bướm, nắng gió mưa sương một tí. Một mỗi, mồ hôi mồ kê, ăn cơm nằm, bờ bụi vậy đó, cho cái đầu nó giãn ra.

Mình quay lại bài kinh. Vị này sau khi đặc rồi mới đến trình với Phật, mà trình một cách rất dễ thương. Vị đó không nói con đặc gì hết, mà chỉ nói: “Theo chỗ con hiểu thì một người đặc A-la-hán phải có được sáu xu hướng này”. Ngài chỉ nói vậy thôi. Bây giờ Ngài thăm lắm rồi. Ngài nói người đặc A-la-hán phải có sáu cái khuynh hướng tâm lý này.

Một, khuynh hướng xuất ly. Xuất ly có nghĩa là không còn muốn dây dưa trong ba cõi sáu đường nữa.

Hai, khuynh hướng viễn ly. Tức là không thích đàn đúm đông người nữa, mà chỉ thích ở một mình.

Ba, khuynh hướng vô sân. Nghĩa là không bắt mặn cái này cái kia, dầu người hay vật hoặc sự kiện. Đối với mình, người, vật, sự kiện đều không có lòng bắt mặn.

Vì có rất nhiều hành giả có lòng tu tốt lắm, nhưng họ bị vướng vào trong sáu khuynh hướng ngược lại trên. Thứ nhất, họ tu không phải cầu giải thoát, mà tu để cầu quả nhân thiên. Thứ hai, họ không có được khuynh hướng viễn ly. Họ tu mà cũng thích có thầy, có bạn, ấm cúng vui vẻ, rồi nhìn quanh có người. Chớ nhìn quanh toàn là gió núi mưa rừng, quạnh hiu quá. Đó là chưa khá.

Thứ ba, về khuynh hướng vô sân. Có nhiều người nói tu là tu vậy, chớ họ còn rất nhiều chuyện để họ cảm râm, than phiền. Họ luôn sống trong tâm bất mãn: “Biết nay mai thiền sư nghĩ sao, mình lên trình Pháp Ngài, Ngài nói giống như tát nước vô mặt mình. Còn cái bà hành giả kia, không biết tu được nhiều mà nói nghe thấy ghét. À mà sao bữa nay thức ăn nó kỳ quá, bữa nay nấu cái gì nuốt không vô. Rồi trú xứ sao bữa nay nó nóng quá. Còn cái con gì nhiều quá nhiều đi. Nó chích, nó cắn chịu không nổi. Mà cái chiếu bữa nay chắc phải giặt quá, thấy nó kỳ quá, nằm xót xót...”.

Nói chung là đủ cách để bất mãn này kia. Họ là người tu ngon lành đó, nhưng mà còn quá nặng lòng chuyện này chuyện kia để mà bất mãn là chưa khá, chưa có được khuynh hướng vô sân. Nghĩa là còn bất mãn với người, với vật và sự kiện.

Bốn, khuynh hướng ly tham, ái diệt. Khuynh hướng vô sân là không bắt mặn này nọ, còn khuynh hướng ly tham là không có thích cái này cái nọ, không thích cái gì nữa hết. Với khuynh hướng vô sân và vô tham, cuộc đời nó có ngọt như thế nào thì vị La-hán cũng lạnh ngắt. Mà cuộc đời có đắng cay, chua chát cỡ nào thì Ngài cũng vô cảm và vô nhiễm.

Năm, khuynh hướng thủ diệt. Trong Chú giải nói “thủ” đây là bốn thủ. “Thủ” là tên gọi khác của phiền não nói chung. Nhưng Ngài chọn nói “thủ” ở đây là có ẩn ý. Phiền não nói chung là tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi. Nhưng phiền não khi nói tới khía cạnh ràng rịt chúng sanh thì chúng ta phải xài chữ “thủ”. Bởi có nhiều hành giả nói tham sân si họ không thấm, mà nói tứ thủ họ thấm.

Tại sao vậy? Vì Dục thủ, Kiến thủ, Giới cấm thủ, Ngã chấp thủ là bốn thứ phiền não. Kể là bốn nhưng nó thực ra cũng chính là tham sân si đó quý vị.

Dục thủ là lòng còn đam mê trong chuyện hưởng thụ.

Kiến thủ là sự tâm đắc trong nhận thức của mình. Cái này lớn chuyện lắm. Chính trị, văn hóa, tôn giáo, đạo học, giáo lý, Phật pháp mình thấy mình hay. Hiếu như mình mới là số một, còn mấy người khác là ruồi bu, tào lao. Tức là chấp chặt vào trong quan điểm nhận thức của mình. Phật pháp mà mình chấp chặt như vậy là đã bậy, nói chi quan điểm tà kiến còn bậy cỡ nào nữa.

Giới cấm thủ là bất cứ pháp môn hành trì nào không hướng tới Diệt Đế và không đúng với Đạo Đế.

Thì gọi là Giới cấm thủ.

Thí dụ cũng ăn một bữa nhưng người ta ăn ngọ, ăn theo lời Phật để tu Tứ Niệm Xứ. Đó gọi là đầu đà, là giới hạnh. Nhưng đằng này anh ăn ngày một bữa để anh cầu quả nhân thiên. Anh chế ra mỗi lần ăn thì cái tay anh phải nâng cái chén lên, rồi bắt ấ, lim dim trì chú, tùm lum tà la, cái đó gọi là Giới cấm thủ. Bởi vì cái đó đi ngược lại tinh thần Bát Chánh Đạo.

Đó là tôi chưa nói đến những pháp tu kỳ quái, tôi đang nói chuyện bình thường đó, chuyện ăn chuyện uống. Thí dụ chuyện ăn chay. Ăn chay có nhiều lý do:

Một, ăn chay vì thuận tiện. Có thể ở đâu mình cũng ăn được, không cần phải đi chợ, mình tự trồng trọt mình ăn được.

Ăn chay để hỗ trợ cho sức khỏe của mình.

Ăn chay vì lòng từ bi. Ăn chay vì không cam tâm. Mỗi lần mình gặp miếng cá mình nghĩ đến quyền thuộc nhiều đời tự nhiên cái lòng nó không có yên.

Ăn chay vì những lý do đó thì tốt. Chớ nếu cho rằng pháp môn ăn chay mình là cao siêu, đứa nào không ăn được là đứa đó xài không vô, ăn được như vậy mới là thượng căn, thượng phẩm, thượng nhân, thượng trí gì đó; cái đó mới là tào lao, là lọt vô Giới cấm thủ rồi.

Người mà từ cách ăn, cách ở, cách sinh hoạt lúc nào cũng phải dựa trên tinh thần Bát Chánh Đạo và hướng đến cứu cánh Niết-bàn là chấm dứt phiền não sanh tử. Con đường nào thuận ứng, đúng với tinh thần Bát Chánh Đạo và hướng tới cứu cánh Diệt Đế thì gọi là chánh đạo. Còn ngoài ra là tà đạo. Mà đi theo tà đạo chính là Giới cấm thủ. Cái này quan trọng lắm nhe, phải thuộc lòng nhe!

Ngã chấp thủ

Ngã chấp thủ là luôn sống trong ý niệm “tôi” và “của tôi”. Đó, cái này khó thoát lắm. Mình nói Phật pháp ào ào, mình có giỏi bằng trời đi nữa mà cái thứ tư này nó “chua” lắm.

Có nhiều người họ tưởng họ không hưởng thụ gì hết. Họ ăn gì, ngủ ở đâu cũng được, ở nhà cửa sao cũng được, họ tưởng họ hay. Nhưng họ quên rằng chỉ sơ sẩy một sợi tóc là lọt vô Giới cấm thủ. Sơ sẩy một chút là lọt vô Kiến thủ. Sơ sẩy một chút là lọt vô Ngã chấp thủ. Không biết trong room có hiểu cái này không ta? Chỗ này quý vị phải xăm lên trán. Tôi nói lại lần nữa.

Có nhiều người sống thanh bần khổ hạnh, nghĩ là Dục thủ họ không có, mà họ tưởng vậy là hay. Mà ngay trong giây phút họ thấy họ là hay đó thì họ đã dính nguyên một dây ba cái “thủ” sau. Wow! Có nghĩa là ăn chay nằm đất, mà sơ ý một chút thôi là

dính vô ba cái thủ sau. Nghĩa là Dục thủ mình không có, mình ăn gì, ngủ ở đâu cũng được, bla bla bla... nhưng vô tình dính vô ba cái thủ sau.

Dính vô cái Kiến thủ, là mình chấp chặt vô nhận thức của mình.

Dính vô Giới cấm thủ, nghĩa là trên hình thức mình tu y chang như người khác nhưng mà lý tưởng của mình lại không phải là Diệt Đế. Nhận thức của mình lúc đang hành trì nó không là Đạo Đế, vì Đạo Đế là buông. Đằng này mình càng tu càng thấy mình hay là sai rồi.

Tôi nhắc lại câu này:

“Chỉ có khổ không có người bị khổ. Chỉ có nguyên nhân khổ không ai tạo ra khổ. Chỉ có cứu cánh thoát khổ không có người thoát khổ. Chỉ có con đường hành đạo chứ không có ai hành đạo”.

Đây là câu bên Nam Tông tuy có bốn hàng nhưng nó tương đương nguyên bài Bát Nhã Tâm Kinh của Bắc truyền. Bốn câu này là định nghĩa về Bốn Đế. Phải luôn luôn nhớ!

“...vô sắc, vô tinh, vô khí, vị, xúc. Vô vô minh diệt, vô sở đắc...”

Phải thấy như vậy thì mới “viễn ly điên đảo mộng tưởng”, nhe. Còn đằng này bà con mới tu ba mớ bà con tưởng mình hay là dính nguyên “ba ông thủ” phía sau. Tu ba mớ thấy mình hay là bắt đầu dính vô Kiến thủ, chấp chặt vào quan điểm nhận thức; vào Giới cấm thủ, chấp chặt vào pháp môn hành trì; và Ngã chấp thủ, chấp chặt vào cái tôi hoang tưởng của mình.

Mình đang giảng về vị A-la-hán không có xu hướng đó mà có xu hướng “thủ diệt”, có nghĩa là chấm dứt bốn thủ.

Khuynh hướng vô si

Sáu, khuynh hướng vô si. Là các ngài không còn u mê trong Bốn Đế nữa.

Tôi nói tới nói lui riết rồi tôi quê, bà con kêu tôi là ông sư Tứ Đế, chớ thật ra không hiểu Bốn Đế thì bà con đừng có nói với tôi là bà con thờ Phật, nhe! Không hiểu Bốn Đế mà nhận là Phật tử là bôi tro trét trấu vào cửa đạo.

Cái vô si là gì? Là luôn luôn sống trong nhận thức rõ ràng về Bốn Đế:

Mọi thứ ở đời là khổ.

Thích ghét cái gì cũng là thích, ghét trong khổ.

Muốn hết khổ thì đừng đam mê trong khổ nữa.

Sống bằng ba nhận thức ấy chính là con đường thoát khổ.

Sống như vậy gọi là khuynh hướng vô si.

Thì ở đây ngài Sona trình bày với Đức Phật nguyên bài kinh dài sọc vậy. Tôi ôn lại nghe:

Ngài Sona là người rất tinh chuyên, cần mẫn, ngài chọn tinh tấn làm năng lượng chủ đạo trong việc hành đạo. Mà cái đó lại là quan điểm cực đoan. Bởi vì 5 quyền: tín, tấn, niệm, định, tuệ, phải cân bằng thì mới có thể dẫn đến đạo nghiệp.

Nhìn thấy điểm này, Thế Tôn xuất hiện và nhắc ngài Sona hình ảnh một cây đàn lên dây chùng quá hoặc căng quá không xài được. Với hình ảnh gợi ý đó, ngài Sona đã tu hành đúng chuẩn, chứng quả La-hán.

Sau khi chứng quả, ngài đến trình với Phật chuyện Phật muốn thì con đã làm rồi. Ngài không nói ngài đắc mà chỉ nói nhẹ thôi:

“Bạch Thế Tôn, theo chỗ con hiểu thì vị La-hán phải là người có được sáu khuynh hướng tâm lý là các khuynh hướng xuất ly, viễn ly, vô sân, vô tham, thủ diệt và vô si”.

Trong Chú giải có ghi nè: “Nekkhammamadhimuttassati”, tức là khuynh hướng xuất ly ở đây chỉ cho quả vị La-hán. Tại sao vậy? Là bởi vì khi mình còn là A-na-hàm thì mình còn có chút thích trong các cõi Phạm thiên, Tịnh cư. Chỉ có La-hán mới thật sự xuất ly. Chớ còn ba cõi: Dục, Sắc và Vô sắc, và sáu đường, thì vị A-na-hàm chưa được xuất ly 100%, bởi vị đó còn thích trong các cõi thiên. Mặc dù cái thích của ngài không giống cái thích của kẻ phàm phu.

Cái thích của ngài là cái thích của người tù nhìn thấy cái hoa trong nhà tù. Ngài biết rất rõ mình là tù và biết rõ cái hoa này là cái hoa trong tù. Ngài biết rõ rằng nhà tù là chỗ mình phải càng sớm cần lìa bỏ. Ngài biết rõ hết, nhưng khi nhìn thấy cái hoa đẹp mơn mớn trong nắng mai điểm vài giọt sương sớm thì người tù nhìn cũng còn có một chút thích thú. Đó là vị A-na-hàm.

Còn vị A-la-hán thì không. Vị A-la-hán là người đã ra khỏi nhà tù rồi. Có ai rủ ngài quay vô nhà tù để thưởng hoa hay không là ngài lắc đầu cái rẹt, và đi thì không hề quay đầu lại. Các vị có biết chuyện đó không ta? Bên Tàu có dị đoan là ra tù đừng có quay đầu,

Bởi vì quay đầu lại thì có ngày phải quay trở vô nữa. (cười)

Bài kinh 56 – Phagguna

Ngài Phagguna này bị bệnh nhiều, Đức Phật tới thăm, nhắc nhở, an ủi, trấn an xong, Ngài ra đi. Sau khi Đức Phật vừa ra đi thì trong thời gian tích tắc ngài Phagguna Niết-bàn.

Ngài A Nan tận mắt chứng kiến giây phút cuối cùng đó nên về thưa với Đức Phật. Ngài nói lạ lắm, một người đang trọng bệnh trầm kha như vậy, sau khi nghe Pháp xong, lúc Thế Tôn vừa rời khỏi, vị đó đã dứt hơi, tắt thở. Nhưng ngộ lắm, trước khi tắt thở, gương mặt vị đó chói lòa, an lạc, thanh thản, đẹp lắm.

Thì Đức Phật ngài dạy:

Như vậy là đúng. Tại sao không chói sáng? Phải chói sáng chứ. Bởi vì sao? Là bởi vì khi Như Lai đến thì Phagguna vẫn còn là một tỳ-kheo phạm phu. Nhưng sau khi nghe Pháp thì Phagguna đã chứng quả A-na-hàm.

A-na-hàm là tầng thánh thứ ba, tầng này dứt hẳn dục ái và sân. Dục ái là gì? Là vĩnh viễn không còn đam mê trong sắc, thanh, khí, vị, xúc. Không còn muốn, thích nghe cái này, nhìn cái kia, nếm cái nọ, ngửi mùi gì nữa. Đối với năm dục đó không còn.

Một điều bà con phải lưu ý là khi ta không còn đam mê trong năm dục thì ta cũng không còn tâm bất mãn, sợ hãi, khổ tâm, ưu tư nữa. Sợ hãi, bất mãn, khổ tâm, ưu tư chính là hậu quả của niềm đam mê trong năm dục. Phải nhớ công thức này, nhớ năm lòng:

“Sợ hãi, bức tức, hờn giận, khó chịu, ưu tư, lo lắng, bồn chồn, ray rứt, tất cả những cảm giác tâm lý tiêu cực ấy đều khởi đi từ niềm đam mê trong năm dục”.

Mà tại vì mình không học giáo lý, không tu tập Tứ niệm xứ, mình không có ngờ. Mình nghĩ: “Ừa, thích là thích, ghét là ghét chớ mắc gì mà liên quan?”.

Bữa hôm tôi nói rồi, khi mà mình còn thấy ngọt ngào, thấy thơm ngon ở trong năm trần thì mình còn có chỗ bất mãn. Khi mình thích ngọt thì sẽ ghét đắng. Khi thích êm ấm thì sẽ ghét gì đó thô ráp. Thích ấm cúng thì sợ lạnh lẽo. Thích mát mẻ thì sợ nóng nực. Nó luôn luôn đi một cặp như vậy.

Cho nên trong tấm thân đau đớn quằn quại, chỉ cần đắc A-na-hàm rồi là ngài nhìn cơn đau như một người khách lạ, không mắc mớ gì mình hết. Thân thì cứ đau, tâm thì dừng dừng. Trong Chú giải cũng ghi là cái định của vị A-na-hàm, đầu trước đó chưa từng tu thiền, nhưng một người dứt được dục ái và sân thì khả năng định tâm của người này tương đương với người đắc thiền.

Tôi nhắc lại: vị A-na-hàm do không còn dục ái và sân, đầu trước đó chưa tu thiền samatha ngày nào thì khả năng định tâm của vị đó tương đương với người đắc thiền.

Còn tương đương với tăng nào, sơ, nhị, tam thiền, thì tùy đặc điểm.

Một điều nữa là vị A-na-hàm không còn sợ hãi nữa, nên khi ngài Phagguna nghe Pháp xong, ngài chứng quả A-na-hàm. Khi ngài A Nan thưa với Đức Phật giây phút cuối cùng của ngài Phagguna, Đức Phật mới dạy:

“Này A Nan. A Nan có biết chuyện nghe Pháp đem lại cho người ta nhiều lợi ích lắm. Rất là nhiều lợi ích”.

Bà con nên đặc biệt ghi nhớ bài kinh này. Đức Phật ngài dạy việc đúng thời nghe Pháp. Chữ “đúng thời” đây có nghĩa là “kịp lúc”, khi có nhu cầu là được nghe liền. Pali là “kalena”, là on time. Chớ còn lúc đang cần nghe, nên nghe thì lại không có điều kiện để nghe thì coi như cũng bằng không. Hoặc có người giảng sang sảng bên tai mà lúc đó mình không có mở lòng ra nghe thì cũng bằng không.

Cho nên đúng thời, kịp lúc đây có nghĩa là mình muốn nghe, sẵn sàng nghe, sẵn sàng hiểu, ghi nhận, mà lúc đó cũng có người giảng cho mình nghe điều thích hợp với căn cơ, cơ địa tâm lý của mình. Thì Đức Phật ngài dạy chuyện nghe Pháp kịp thời nó đem lại rất nhiều lợi ích, như:

Một kẻ phàm phu, giây phút cận tử được nhìn thấy Đức Phật, được Ngài thuyết Pháp cho nghe thì cái đó khỏi nói rồi. Đây là trường hợp số một.

Trường hợp thứ hai, một người phàm phu trong lúc cận tử không gặp được Phật nhưng gặp được đệ tử của Phật để được nghe Pháp Phật, thì coi như đó là cách trợ niệm rất tốt. Bài kinh này mình có thể đặt tên là bài kinh trợ niệm cận tử.

Mình đọc đây thấy rõ một điều là trong kinh không hề kêu gọi chuyện tụng. Tụng niệm kiểu mình bây giờ là trong kinh không hề nhắc tới. Tại sao vậy? Bởi vì hôm nay chúng ta tụng niệm mà cả người tụng lẫn người được nghe không có hiểu gì hết trơn, cứ ê a, ê a. Trong đây Đức Phật nói là Ngài nói Pháp chớ không phải là tụng kinh!

Trường hợp thứ ba, kẻ phàm phu trong lúc cận tử không gặp được Thế Tôn, không gặp được chư Thánh nhân, không gặp được đệ tử tăng ni của Đức Phật, nhưng họ có khả năng suy tư, nghiền ngẫm, thẩm thía, tiêu hóa những gì mình đã được nghe, đã được học, đã được hiểu thì cũng có thể nhờ vậy mà họ đi về cõi lành.

Đó là ba trường hợp cho kẻ phàm phu. Ba trường hợp sau y chang như vậy mà dành cho bậc Thánh. Một bậc Thánh, trừ ra vị La-hán thì ai cũng cần một cái chết êm đềm. Mà chính Pháp thoại lúc cận tử sẽ giúp cho người ra đi được êm đềm, được nhẹ nhàng.

Bình thường mình không thiết tha với giáo pháp, với giáo lý, không thiết tha chuyển tu hành, với lý tưởng giải thoát, rồi tới lúc cận tử rước tăng ni về tụng, lúc đó chỉ làm cho ồn cái nhà thôi. Cả người tụng thì con mắt lảo liên, phóng dật, mà người nghe thì sợ hãi, đau đớn, tiếc nuối.

Mà hết năm này qua tháng kia, thế hệ này qua thế hệ nọ mà không hề biết cái đó. Cứ hữu sự là rước tăng ni về, ngáp ngáp là rước tăng ni về tụng kinh, mà không chịu hiểu là lúc đó, một là muốn tụng thì phải tụng chậm, và tụng những bài kinh mà cả người tụng lẫn người nghe đều hiểu được. Chớ không phải mấy cái bài Pali ê a mà người tụng, người nghe đều không hiểu được. Cái đó là tôi chống, nghe! Mà trong đây nói phải là Pháp thoại.

Nói ra, đọc lên cái gì mà họ hiểu, và cả người nghe cũng có thể hiểu được, thì cái đó mới gọi là trợ niệm cận tử. Cái người đang ngáp ngáp đó họ cần: một là cần tịnh dưỡng nghỉ ngơi; hai là nếu mình có thương họ, mình nhắc nhở thì nhắc chậm mà nhắc ít thôi, nhưng phải lựa cái gì thật là tâm huyết, thật là rốt ráo. Chớ có đâu người ta thở không ra hơi mà đưa một đồng người vô để giành oxygen của người ta! Ai hỏi tôi, tôi nói thẳng vậy đó! Nói cái này bị chúng chém mà không nói thì không được. Nghe!

Ở đây Ngài dạy “tùy thời nghe Pháp”, “đúng lúc nghe Pháp” là như vậy đó. Lúc mình cần sự hộ niệm, trợ niệm là mình phải được nghe những gì mình có thể hiểu được, và lập tức đưa vào hành trì thì đó mới.

được gọi là đúng thời nghe pháp.

Cái đó mới gọi là trợ niệm cận tử một cách thông minh, nghe. Chớ đừng theo “lối cũ đường xưa” mà cứ đi hoài!

Mai này tôi ngáp ngáp tôi cũng mong hai chuyện thôi. Chuyện thứ nhất là người nào đến hỏi tôi một câu: “Sư có muốn nghe gì không?”. Cái câu đầu tiên tôi muốn nghe là câu hỏi: “Sư có muốn nghe gì không?”. Tôi chỉ cần khoát tay hoặc lắc đầu: “Để cho em được yên, em xin”. Đó, là để yên cho tôi.

Còn trong trường hợp tôi có nhu cầu, thì tôi nói cho tôi được nghe Kinh tạng, hoặc là nghe đọc kinh chậm. Mà phải cho tôi trả lời. Chớ một khi mà tôi không đủ sức trả lời câu hỏi, có nghĩa là lúc đó tôi cũng không còn khả năng nghe kinh. Nếu bà con thương có tụng thì làm ơn tụng tiếng Việt Nam dùm, nghe. Lúc đó ngáp ngáp rồi! Tụng làm sao người ta nghe, người ta hiểu.

Lựa mấy bài kinh mà tôi tâm đắc đó, thí dụ bài Simsapa, bài kinh Bahiya, bài kinh Tứ Niệm Xứ, bài kinh Chuyển Pháp Luân, thí dụ vậy. Chớ còn lúc đó cái phòng thì nhỏ xíu, mà đưa nguyên cái đoàn quân Nguyên vô giành hơi của tui thì tui ra đi tui hận lắm, con mắt nhắm không nổi, đừng có hòng mà vuốt mắt tui, nhe!

Bài kinh 57 – Sáu sanh loại

Sanh loại tức là chủng loại của chúng sinh. Bối cảnh truyện kiếm hiệp Kim Dung nhắm đến đời Tống, Minh, Thanh. Khưu Xử Cơ, Trường Sinh, Mã Ngọc gì đó là những nhân vật đời nhà Tống. Thời đó có Lục đại môn phái: Võ Đang, Hoa Sơn, Thiếu Lâm, Nga My. Nhưng trong triết học tôn giáo Ấn Độ thời Phật cũng có Lục đại môn phái. Bà con xem kinh Sa Môn Quả của Trường Bộ.

Thì ông Purana Kassapa này là một trong sáu vị giáo chủ của Lục đại môn phái của Ấn Độ thời Đức Phật. Ông này phân loại chúng sanh ở đời và trong vô lượng vũ trụ thành sáu hạng: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen và trắng bóc. Trắng khác, còn trắng bóc nữa. Ông phân loại chúng sanh theo giai cấp xã hội cũng có, theo sở hành cũng có, theo quan điểm tri thức, quan điểm tư tưởng, tôn giáo cũng có. Cách chia của ông như vậy.

Tôi nhắc lại. Ông dựa trên quan điểm nghề nghiệp, quan điểm tôn giáo, văn hóa, giai cấp xã hội, ông đưa ra tất cả sáu hạng chúng sinh.

Thì khi ngài A Nan nghe được cái đó, ngài vào thưa với Đức Phật là: “Con nghe ông Purana Kassapa phân loại chúng sanh như vậy đó”. Đức Phật mới hỏi ngài A Nan:

“Theo A Nan nghĩ, cách phân loại đó có đáng xem là phổ biến cho tất cả mọi người, mọi loài trong đời này hay không?”.

Ngài A Nan mới: “Bạch Thế Tôn, đương nhiên là không, nó ngộ ngộ sao đó”.

Đức Phật nói: “Cách phân loại đó là cách phân loại vô trách nhiệm”. Tức là cứ nói theo ý mình rồi người nghe họ được, họ mất cái gì thì ráng chịu. Giống như mình không biết người ta ăn chay ăn mặn mà mình tới đưa người ta cục thịt rồi bắt người ta trả tiền vậy đó. Khi mình đưa ra một quan điểm về chính trị, tôn giáo, văn hóa, mình phải đưa như đưa một cành hoa người ta thích, đưa một cái gì có giá trị.

Dĩ nhiên đây là cách nói theo văn hóa Ấn Độ thời đó, chớ nếu hôm nay Thế Tôn nói cho một hội chúng người Âu Mỹ, hoặc người Nam Á, Trung Á, Tiểu Á, Đông Nam Á, thì mỗi vùng miền Ngài dùng hình ảnh khác nhau. Nhưng ở đây Ngài đang thuyết pháp ở vùng châu thổ sông Hằng, Ngài nói cho người thời đó trong bối cảnh thời đó.

Ở đây Ngài nói: Nếu cần thì trong giáo pháp ta cũng có thể phân loại chúng sanh theo sáu trường hợp giống như vậy:

Hạng một là da đen mà cũng tạo ra sản phẩm đen. Da đen tạo ra sản phẩm trắng. Da đen tạo ra Niết-bàn không đen không trắng, cái này siêu cấp. Bữa hôm tôi nói bà con nhớ không?

“Chưa biết đạo, ai cũng mong hưởng quả lành. Biết đạo rồi, ai cũng nhắm đến cái nhân lành. Khi hành đạo rồi, ai cũng nghĩ cũng thấy nhân lành, quả lành đều đáng để lìa bỏ”.

Trong room còn nhớ không ta?

Chưa biết đạo thì ai cũng mong được hưởng quả lành hết. Muốn được nhan sắc, tình yêu, giàu có, khỏe mạnh, tiếng tăm, quyền lực... mấy cái đó đều là quả lành. Nhưng muốn hưởng quả lành mà không chịu làm nhân lành.

Cái hạng thứ hai là biết đạo, học đạo rồi thì người ta quan tâm tới nhân lành, không thiết tha tới quả mà thiết tha tới nhân lành. Nhà giàu có mà bỏ hết đi qua Miến Điện ngồi thiền. Nhà giàu nhưng cũng muốn vô chùa ngủ gà ngủ gật để nghe pháp, để ngồi thiền, thì lúc đó họ không tha thiết quả lành, mà chỉ tha thiết nhân lành.

Nhưng đến hạng thứ ba thì họ không còn thấy nhân lành, quả lành cái nào quan trọng nữa hết. Họ chỉ cầu làm sao đừng có tiếp tục thiện ác, buồn vui nữa.

Cho nên chúng sanh trong đời có sáu hạng:

Thứ nhất, từ đen đi về cảnh giới đen.

Thứ hai là từ đen đi về cảnh giới trắng.

Thứ ba, từ đen đi về chỗ không trắng cũng không đen.

Ngài giải thích:

1. Từ đen đi về chỗ đen: tức là sanh ra trong một bối cảnh sinh trưởng tầm thường, cơ cực, nghèo hèn, và tiếp tục làm những chuyện sai bậy, tội lỗi để rồi cũng kết thúc

trong bóng đêm cuộc đời, cũng đi về nẻo đạo. Đó là trường hợp sanh ra trong bóng tối và trở về với bóng tối.

2. Từ đen đi về trắng: sanh ra trong bóng tối mà biết tìm về ánh sáng. Sanh ra trong một bối cảnh không ra gì, trong một gia thế bần hàn, nhưng biết tu tập, biết hành trì, cuối cùng đạt được quả nhân thiên.

3. Từ đen tìm về chỗ không trắng không đen: tức là từ một gia thế bần hàn không đáng gì mà tu tập, lìa cái ác đã đành mà cũng ly tham với cái thiện, không còn thiết tha quả nhân thiên, không quan tâm chuyện công đức nữa. Chỉ cầu chấm dứt sanh tử.

Tối trắng cũng vậy, trắng có ba.

4. Từ trắng đi về đen: xuất thân ngon lành nhưng đời sống bệ rạc, tội lỗi. Cuối cùng bị sa đọa.

5. Từ trắng đi về trắng: xuất thân ngon lành. Biết Phật pháp rồi dốc lòng tu hành miên mật, trang nghiêm, cẩn cẩn, cuối cùng được quả nhân thiên.

6. Từ trắng đi về chỗ không trắng không đen: xuất thân rất ngon lành nhưng không thiết tha quả nhân thiên, dốc lòng cầu giải thoát, chấm dứt sanh tử phiền não. Hạng này được gọi là từ trắng đi về chỗ không trắng không đen.

Sáu hạng người này, trong room mình ngồi coi mình thuộc loại nào. Dứt khoát là trong room này có bao nhiêu cái xuất thân, bao nhiêu bối cảnh đi nữa thì cũng gom gọn chỉ có hai bối cảnh là đen và trắng thôi. Đó là thứ nhất.

Thứ hai là mình coi xuất thân mình là đen mà mình đi về chỗ đen hay chỗ trắng. Và mình có quan tâm tới cái gọi là cứu cánh Niết-bàn không trắng không đen hay không? Cái này khó!

Tôi nói không biết bao nhiêu lần.

Trên đời này, chúng sanh luân hồi là chỉ vì luôn luôn sống trong lý tưởng trốn khổ tìm vui. Khi chưa biết Phật pháp thì trốn khổ tìm vui bằng cách làm bất cứ mọi chuyện, bất kể thiện ác.

Còn hạng thứ hai, khi biết Phật pháp rồi, không còn quan tâm đến cảm xúc, đến thích ghét buồn vui nữa, mà họ chỉ quan tâm chuyện thiện ác thôi.

Nhưng đến hạng thứ ba, họ không quan tâm chuyện thiện ác, mà chỉ quan tâm cái tướng sanh diệt của vạn hữu. Nghĩa là hồi xưa ở ngoài đời họ săn bắn, câu cá, rồi nghiện ngập, say sưa. Sau đó biết đạo rồi thì ngồi thiền, nghe pháp, bố thí, cúng dường, phục vụ tùm lum.

Đến hạng thứ ba, khi tu Tứ Niệm Xứ thì cả ngày, cả đời mình chỉ làm một việc thôi, là sống trong chánh niệm, làm gì biết nấy. Lâu lâu có tâm muốn làm phước thì cũng dốc túi ra làm phước, nhưng làm bằng chánh niệm, biết rõ mình đang có Hỷ giác chi, biết rõ mình đang có Cẩn giác chi, có Trạch giác chi, biết rất rõ. Tức là hành giả cũng sinh hoạt như người bình thường, cũng ăn uống, tiểu tiện, tụng kinh, thuyết pháp, cũng nghe pháp, cũng phục vụ y như người bình thường, nhưng lúc nào cũng sống bằng chánh niệm hết.

Mà đa phần Việt Nam mình không được biết cái đó, hoặc là biết mà coi thường. Cho nên người Việt Nam mình ngộ lắm, nảy ra cái kiểu thiền mà nhìn vô biết đây là hành giả liền, thì cái đó chưa khá. Mình phóng dật, người ta nhìn người ta biết. Nhưng đến lúc mình ngồi thiền, mình là hành giả, mình cũng muốn cho người ta biết là mình đang tu thiền.

Nhưng đến mức thứ ba là ngon lành nhất: không mong ai biết mình đang tu thiền, và hình thức của mình cũng không có gì đặc biệt so với người không tu thiền. Có nghĩa là vẫn đi đứng, sinh hoạt bình thường, nhưng luôn luôn trong chánh niệm tỉnh giác. Hành giả này mình gặp đâu là mình lạy đó.

Người hành giả này, về nội tâm thì lòng không mong ai biết mình đang tu; về hình thức biểu hiện cũng không có gì đặc biệt, cũng sinh hoạt bình thường như người bình thường, nhưng mà chánh niệm liên tục, thường trực từ lúc thức dậy đến lúc đi ngủ trở lại vào ban đêm, liên tục chánh niệm.

Ở đây mình có sáu hạng người: từ đen đi về đen; từ đen đi về trắng; từ đen đi về chỗ không trắng không đen; từ trắng đi về đen; từ trắng đi về trắng; từ trắng đi về chỗ không đen không trắng.

Có nghĩa là bây giờ mình chưa biết đạo, thấy cái này hay, cái kia hay. Chớ biết đạo rồi, mình thấy hay bằng trời thì cũng vô ngã, vô thường. Mà dở ẹc tận đáy bùn sinh thì cũng vô ngã, vô thường.

Làm ơn nhớ dùm tôi mấy cái định nghĩa này rất quan trọng: thích là gì? Ghét là gì? Hạnh phúc là gì? Đau khổ là gì? Thiện là gì? Ác là gì? Đây là những định nghĩa rất quan trọng.

Hạnh phúc là có cái mình thích.

Đau khổ là bị gánh chịu cái mình ghét.

Mà hạnh phúc và đau khổ từ đâu ra? Từ thiện ác.

Mà thiện là gì? Thiện là sáu căn biết sáu trần bằng tâm lành. Ác là sáu căn biết sáu trần bằng tâm ác. Vì sáu căn biết sáu trần bằng tâm ác, nó mới tạo ra sáu trần bất toại. Sáu căn biết sáu trần bằng tâm lành sẽ tạo ra sáu trần như ý. Và khi có được sáu trần như ý, mình gọi đó là hạnh phúc. Mà khi bị sáu trần bất toại, nghịch ý, mình gọi đó là đau khổ. Chỉ vậy thôi.

Nếu mình thuộc lòng định nghĩa này thì mình học, mình đi rất là mau, nghe. Hiểu được cái đó, mình mới thấy: “Ồ, thì ra còn trắng còn đen là còn đau khổ. Hết trắng đen rồi mới thật là an lạc”. Đây là nội dung quan trọng cốt lõi của bài kinh.

Bài kinh 58: Các lậu hoặc

Bài kinh này Đức Phật Ngài dạy một vị tỳ kheo thành tựu được sáu hạnh lành này, xứng đáng được xem là ruộng phước cho nhân thiên gieo trồng công đức. Xin xem thêm ở kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc số 2 Trung Bộ.

Bài kinh này quan trọng đến mức, nếu một người coi như đốt đặc cán cước, không biết Phật pháp là cái gì, mà chỉ nghe bài kinh này không thì cái đầu cũng bứt đơ nhiều lắm.

Thứ nhất, có nhiều người vui lắm, họ chỉ biết có một chữ thôi: tu là phải nhẫn. Đối với họ, tu là phải biết nhịn, chớ không biết gì ngoài ra. Còn có người, tu là phải có trí huệ. Mỗi người có một hạnh tu. Có người chủ trương tu hành là phải thanh bần, thanh đạm, giản dị. Họ không bàn nội dung gì hết, mà chỉ biết tu là phải cơ cực, phải thiếu thốn mới gọi là tu. Còn có người, tu là nhẫn mới gọi là tu.

Trong bài kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc và cả bài kinh này, Đức Phật Ngài dạy rằng, thế giới này nói chung và mỗi con người nói riêng đều có vô số vấn đề để giải quyết. Và mỗi vấn đề có cách giải quyết riêng, tùy vào hoàn cảnh, tùy vào căn cơ bản thân, tùy vào sự việc mà mỗi lúc người tu hành tận dụng, sử dụng pháp tu khác nhau. Có hiểu vậy mới thấy Phật pháp là bao la.

Tôi nhắc lại: tùy vào khuynh hướng tâm lý, căn cơ mỗi người, tùy vào bối cảnh, hoàn cảnh sự việc mà chúng ta phải linh động.

1. Tu bằng pháp môn phòng hộ, thu thúc lục căn

Đức Phật Ngài dạy có những trường hợp con đường tu của mình được hoàn tất thông qua chuyện kiểm soát sáu căn. Có nghĩa là, ăn rồi chỉ có một việc làm duy nhất, đó là chánh niệm tỉnh giác, trong lúc mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm, ý suy tư. Tu chỉ lấy sáu căn đó ra tu. Trường hợp đó gọi là tu tập bằng pháp môn phòng hộ.

2. Trường hợp đối phó phiền não bằng cách sử dụng phương tiện vật chất

Có trường hợp vị tỳ kheo chấp nhận sử dụng một số phương tiện, điều kiện vật chất để dàn xếp đời sống nội tâm của mình. Thí dụ, vị tỳ kheo không để cho mình phải ốm đói, phải lạnh lẽo, phải màn trời chiếu đất, bệnh mà không có thuốc uống. Cái đó là sai! Mà làm sao đói no được kiểm soát, nóng lạnh được kiểm soát, nắng mưa mình cũng có thể đối phó được. Trong trường hợp đó, Đức Phật Ngài dạy việc sử dụng một cách thông minh các phương tiện vật chất cũng là một cách tu. Đó, nghe thì kỳ nhưng sự thật là vậy.

Tôi nhắc lại, người tu không phải ép xác khổ hạnh đến mức coi như cạn kiệt sinh lực. Ngài nói phải biết quan tâm đến đời sống vật chất một cách cần và đủ. Người không có học đạo có thể không hiểu cái này. Vị tỳ kheo hoàn toàn có thể tu trong lúc ăn, uống, nhai, nuốt, tiểu tiện. Chớ không phải tu đây là cái gì ghê gớm, rừng sâu núi thẳm.

Hiểu giáo lý rồi thì vị tỳ kheo lúc mặc cái y cũng là tu. Lúc múc muỗng cơm để vào miệng cũng là tu. Lúc uống một viên thuốc cũng là tu. Lúc lấy lá khô để che cái mái trú nắng mưa cũng là tu. Thì trường hợp đó được gọi là phiền não được đối phó bằng cách sử dụng phương tiện vật chất.

Ở đây dùng chữ “thọ dụng”, nghe!

3. Trường hợp áp dụng pháp môn kham nhẫn

Có trường hợp vị tỳ kheo phải duy trì đạo nghiệp của mình bằng sự kham nhẫn.

Kham nhẫn đây gồm nội nhẫn và ngoại nhẫn. Nghĩa là nóng lạnh, đói khát, nắng gió, mưa sương, bị những tấn công từ bên ngoài vào thì vị đó cũng có thể chịu được.

4. Trường hợp phải tránh né

Rồi có trường hợp không phải lúc nào tu cũng đem chữ nhẫn ra đăng trước, mà có khi phải né. Người hay vật, hay nơi chốn nào mà mình thấy nó có hại cho sức khỏe, cho tính mạng, cho tâm tư, có hại cho đời sống phạm hạnh của mình thì mình phải biết tránh. Chớ không phải tu có nghĩa là dẫn thân vào lửa đạn.

“Ta không vào địa ngục thì ai vào”, đó là cách nói cho sướng cái miệng thôi. Chớ trong thực tế, vị tỳ kheo nói riêng và người cầu giải thoát nói chung, Ngài dạy rõ là: “Con không thể nào cắn răng gồng được mà phải quẹo qua chỗ khác để con được yên, được tiếp tục tu nữa.” Nhe, nhớ cái này.

5. Có trường hợp phải nhìn rõ cái gì đang xảy ra

Bài Kinh này quan trọng lắm! Những người nào sơ cơ hôm nay nghe được Kinh này, làm ơn nhớ dùm: Đức Phật Ngài dạy cho mình những con đường tu hành rất là ngoạn mục, rất là thông minh, hợp lý.

Có những trường hợp, những giây phút mình tu bằng cách kiểm soát sáu căn. Có lúc mình tu bằng cách duy trì cái nhẫn. Có nhiều lúc mình tu bằng cách mình sử dụng linh hoạt và thông minh các phương tiện vật chất. Có trường hợp mình tu hành bằng cách nhìn rõ cái gì đang xảy ra: biết rõ đây là tham, đây là sân, đây là si; biết rõ đây là những phiền não có hại cho mình, có hại cho người đời này và đời sau.

Các vị biết, trong ngành dược cũng vậy. Tùy bệnh mà chúng ta xài những loại thuốc khác nhau. Thuốc sổ giúp mình những chuyện khác, mà thuốc cảm giúp mình chuyện khác. Thuốc ho giúp mình chuyện khác. Thuốc sổ mũi giúp mình chuyện khác.

Như có lần tình cờ tôi biết một chuyện cũng buồn cười. Có một cô Phật tử, tôi hỏi cô: tại sao có loại thuốc ho, thuốc sổ mũi uống vô là ngủ, là tại sao tôi không hiểu. Cô mới nói là cái ho thực ra nó không phải là bệnh. Chỉ cần Sư ngủ là hết ho, chỉ trừ ra một số trường hợp ho như bị phổi, bị gì đó. Nhưng mà cô nói đa phần ho mà cảm mạo đó thì mình ngủ là hết ho. Cho ngủ là hết nháy mũi, thức dậy coi như vi trùng cảm mạo nó hết thì hết chảy mũi, vậy thôi.

Cho nên, có trường hợp mình nhìn thẳng vấn đề là vấn đề tự nhiên được giải quyết. Có những pháp tu mình phải chịu đựng nó. Có những trường hợp mình hiểu nó là nó hết. Vấn đề ở đây không phải là gồng, là chịu đựng, mà là mình hiểu thì tự nhiên nó hết. Nhiều lắm quý vị. Trường hợp đó rất là nhiều.

Trong đời sống mình, nhiều khi mình sống với nhau mình cần sự chịu đựng. Nhưng có nhiều lúc mình cần đến sự cảm thông. Như mình thấy người đó có mùi hôi cơ thể là mình phải chịu đựng; họ ngủ, họ ngáy là mình phải chịu đựng. Thí dụ vậy. Nhưng có trường hợp mình sống được với nhau là vì mình cảm thông nhau, mình biết cái tánh ông đó như vậy. Hoặc mình biết cách cư xử làm sao cho thuận ứng với cá tính, với thói quen của con người đó.

Cho nên, nhiều khi mình sống với nhau nhờ mình chịu đựng cũng có, mà nhờ mình hiểu thấu nhau cũng có. Chớ không phải lúc nào cũng móc cái thẻ “chịu đựng” ra là hỏng được. Có ngày nó bung, như người ta nói đùa cách sai chính tả là “bức xúc” là vậy, do bức quá nó sút!

Tôi nhắc lại: thế giới nói chung, con người nói riêng, nơi đâu và lúc nào cũng có vô số vấn đề. Mỗi vấn đề như vậy, tùy lúc, tùy cá nhân, tùy hoàn cảnh mà nó có những giải pháp khác nhau. Phật pháp là con đường rộng mở thênh thang cho kẻ cầu giác ngộ một cách thông minh. Con đường đó là con đường tùy duyên, chớ không phải con đường gò ép, khiên cưỡng, bắt buộc ai hết.

Chính vì vấn đề của chúng ta nhiều quá nên giải pháp cho mỗi vấn đề từ đó nó cũng phong phú theo. Cái đại kỵ nhất là học Đạo ba mớ rồi chấp khư khư vào một hai thứ mình biết. Rồi từ đó mình ép mình vào đường lối tu hành phải nói là nuốt không vô. Chưa hết. Chẳng may mình trở thành sư phụ mà mình nhồi nhét, tẩy não, nhồi sọ đệ tử cho nó cũng đi theo con đường tù túng, chật hẹp mà mình đã theo đuổi bấy lâu, thì đó đúng là đại họa cho thiên hạ, mà cũng là điều đáng tiếc cho Phật pháp, nhớ nhe!

Đức Phật Ngài đã mở ra cho mình rất nhiều con đường đi, miễn sao đến được bến bờ giải thoát. Mà thấy con đường đó có vấn đề là mình phải biết dòm lại.

Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần: một người lữ hành thông minh là luôn luôn biết nghi ngờ con đường dưới chân mình. Không phải là mình cứ khư khư theo cái mình biết trên bản đồ, theo hướng dẫn của ai đó mà mình không dám cọ quậy, nhúc nhích gì hết.

Sẵn đây tôi nói luôn, bà con trong room chắc có xài GPS mà, cái máy dẫn đường đó. Cái máy đó nếu chưa được update, chưa được cập nhật, đó là nó chỉ đường rất là mắc cở. Rõ ràng cái chỗ mình muốn đi nó đang sờ sờ trước mặt mà nó không cho vô. Nó bắt mình phải đi tới là bao nhiêu, rồi phải quẹo vòng vòng.

Mà mỗi lần tôi gặp cái máy tào lao đó, tôi chực nhớ đến Đức Phật. Ồ thì ra, có nhiều người cứ khư khư trong Kinh điển mà cái đầu thiếu linh hoạt. Mỹ có chữ “strictly” là “khư khư” đó. Chúng ta cần có cái “flexible” là co giãn đấy chứ.

Cho nên trong tiếng Tàu có chữ “kinh” và chữ “quyền” rất là hay. “Kinh” có nghĩa là nghiêm cẩn tuân thủ nguyên tắc. Còn sự linh hoạt, uyển chuyển gọi là “quyền”.

Cũng giống như kẻ sĩ đời xưa bên Tàu phải biết kinh là gì, quyền là gì, phải biết “hành” là gì, “tàng” là gì. Lúc nào “hành”, lúc nào “tàng”. Có nghĩa là đem khả năng mình ra thi thố với đời là “hành”. Nhưng đến lúc cần thoái ẩn thì phải nhớ đến chữ “tàng”. Hành, tàng, kinh, quyền, đây là bốn chữ mà kẻ sĩ đời xưa phải nhớ nằm lòng để mà kịp thời “tiến, thoái”. Nghe!

Ok, chúc các vị một ngày vui. Ngày mai không có lớp vì ngày mai chúng tôi bay. Ngay khi biết có thể giảng được thì lập tức nhắn tin cho các vị ngay.

Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành.